

Bản án số: 27/2017/HCST

Ngày: 20-6-2017

V/v: “Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính về việc giải quyết khiếu nại về đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Vinh

2. Ông Đoàn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-HC ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc: “Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính về việc giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng Trường D, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Ô, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện P: Ông Đinh Khoa T – chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang – Ông Đinh Khoa T (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Võ Văn H và người đại diện ông Đặng Trường D trình bày:

Ngày 12/3/2009 ông Võ Văn H có sang nhượng bằng giấy tay một phần đất của ông Đặng Trường D với diện tích khoảng 3.000m², đo đạc thực tế là 4.055,2m² tọa lạc tại tổ 3, ấp Ô, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất là do ông D khai phá từ năm 2002, được ông Nguyễn Thanh T là Trưởng ấp Ô xác nhận. Sau khi chuyển nhượng, ông H có trồng tràm bông vàng cho đến nay. Quá trình sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp với việc sử dụng đất.

Năm 2008 một số hộ dân có đất nằm gần diện tích đất của ông H đã được Nhà nước đo đạc, lập phương án đền bù, thu hồi đất để giao cho các nhà đầu tư. Nhưng phần đất ông H đang sử dụng lại không được đo đạc để lập phương án.

Sau đó ông H cũng đã được đo đạc diện tích đất và kiểm kê tài sản trên đất. Nhưng không thấy UBND huyện lập phương án đền bù. Ngày 01/6/2016 ông H tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 12/01/2017 UBND huyện ban hành Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 về việc trả lời đơn của ông H, trong đó có nội dung giải quyết khiếu nại như sau:

“Ngày 10/12/2007 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND về việc giao đất cho Ban Quản lý Đầu tư Phát triển đảo P tại ấp Ô, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang để bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng khu du lịch sinh thái Đảo P. Đến khoảng năm 2010 ông Đặng Trường D vào bao chiếm đảo mương, lên líp, trồng tràm bông vàng và đào. Sau đó sang nhượng lại cho ông H.

Ngày 01/6/2016 ông H làm đơn gửi đến UBND huyện yêu cầu được xem xét được lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m².

Qua kiểm tra, xác minh: Ông Đặng Trường D vào bao chiếm sử dụng đất do Ban Quản lý Đầu tư Phát triển đảo P (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế P) quản lý, khoảng năm 2010. Sau đó sang nhượng trái phép cho ông H.

Từ đó, đối chiếu với chính sách pháp luật về đất đai, việc ông H yêu cầu được xem xét lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m² là không phù hợp với Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Do đó, việc ông H yêu cầu xem xét lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m²”.

Ông H cho rằng UBND huyện P ban hành Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 giải quyết đơn khiếu nại không bằng hình thức quyết định là trái với quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại. Về nội dung của Công văn số 21 khẳng định ông H không đủ điều kiện được bồi thường là không đúng vì diện tích 4.055,2m² là do ông D khai phá từ năm 2002, sang nhượng cho ông H từ năm 2009. Khi ông H vào sử dụng không ai tranh chấp, có thành quả trên đất là đủ điều kiện để xem xét bồi thường, hỗ trợ. UBND huyện P đã thu hồi đất của gia đình ông H nhưng không có quyết định thu hồi để ông được nhận bồi thường, hỗ trợ là gây thiệt hại cho gia đình ông.

Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P và buộc Chủ tịch UBND huyện P phải giải quyết khiếu nại theo đơn khiếu nại ngày 01/6/2016 của ông H theo hướng chấp nhận yêu cầu được lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m² và cây trồng, vật kiến trúc trên đất tọa lạc tại tổ 3, ấp Ô, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông D xác định diện tích 4.055,2m² hiện nay UBND huyện P chưa ban hành quyết định thu hồi, ông H vẫn đang quản lý sử dụng. Do không hiểu biết pháp luật nên ông H đã khiếu nại đề nghị được bồi thường quyền sử dụng đất và tài sản khi đất chưa bị thu hồi. Vì vậy, ông D rút lại yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại theo hướng chấp nhận đơn khiếu nại

của ông H, chỉ yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P.

Đại diện VKSND tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền, tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người khởi kiện đều tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện chưa chấp hành nghĩa vụ về cung cấp tài liệu, chứng cứ quy định tại Điều 78 Luật Tố tụng hành chính mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án. Việc vắng mặt của đại diện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P vì công văn này ban hành vi phạm khoản 3 Điều 6 Luật Khiếu nại quy định các hành vi bị nghiêm cấm ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại là của Chủ tịch UBND huyện P theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại không thuộc thẩm quyền của UBND huyện P. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại: UBND huyện P không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại.

Tại phiên tòa, ông D đại diện cho ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại theo hướng chấp nhận đơn khiếu nại ngày 01/6/2016. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Ngày 01/6/2016 ông Võ Văn H gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện P yêu cầu được xem xét để lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m², cây trồng và vật kiến trúc trên đất.

Đây là đơn khiếu nại của công dân thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Khiếu nại.

Trường hợp này, người giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND huyện P phải căn cứ các Điều 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 của Luật Khiếu nại để thụ lý giải quyết đơn của ông H.

Nhưng UBND huyện lại ban hành Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 để giải quyết khiếu nại của ông H là không đúng thẩm quyền, vì UBND huyện không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, mà thẩm quyền là của Chủ tịch UBND huyện P theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại.

Về hình thức văn bản đã vi phạm khoản 3 Điều 6 Luật Khiếu nại quy định các hành vi bị nghiêm cấm: “Ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định”.

Do Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P ban hành trái thẩm quyền, vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần phải hủy bỏ.

Lẽ ra sau khi hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P, Tòa án phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của ông Võ Văn H.

Nhưng tại phiên tòa, ông D đại diện cho ông H đã rút lại yêu buộc Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại của ông H, chỉ yêu cầu hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P, vì trên thực tế diện tích đất ông H yêu cầu lập phương án bồi thường hiện nay ủy ban chưa ban hành quyết định thu hồi, đất ông H vẫn đang quản lý. Khi nào UBND huyện P thu hồi đất hoặc khi quyền lợi của ông H bị xâm hại thì ông H sẽ khiếu nại hoặc khởi kiện sau. Đây là ý chí tự nguyện của ông H và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P về việc trả lời đơn của công dân và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại của ông H theo hướng chấp nhận yêu cầu được lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m² và cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng. Ông H không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 158, 165, 193, 194 Luật Tố tụng hành chính;
- Áp dụng các Điều 6, 7, 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại;
- Áp dụng Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, hủy Công văn số 21/UBND-NCPC ngày 12/01/2017 của UBND huyện P về việc trả lời đơn của công dân.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H về việc buộc Chủ tịch UBND huyện P phải giải quyết khiếu nại theo đơn ngày 01/6/2016 của ông H theo hướng chấp nhận yêu cầu được lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.055,2m² và cây trồng, vật kiến trúc trên đất tọa lạc tại tổ 3, ấp Ô, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí: UBND huyện P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); Chủ tịch UBND huyện P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Võ Văn H tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu 0004273 ngày 13/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Thu